

**Phụ lục III**

**GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023 CHO CÁC DỰ ÁN MỞ MỐI NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHẤN ĐÁU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIAI ĐOẠN 2023-2025 - BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2023 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| STT   | Danh mục dự án                                                                                                | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư                     | Thời gian KC-HT | Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND | Quyết định đầu tư                        |                                |                    |                           | Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 |           |                                   | Kế hoạch 2023 |                          |        | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------|--------------------------|--------|---------|
|       |                                                                                                               |                   |                                |                 |                                                                     | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                    |                           | Tổng số                          | Trong đó: |                                   | Tổng số       | Trong đó:                |        |         |
|       |                                                                                                               |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:          |                           |                                  | NSTW, NST | NSTW và NSH, NSX và huy động khác |               |                          |        |         |
|       |                                                                                                               |                   |                                |                 |                                                                     |                                          |                                | NSTW và NST hỗ trợ | NSH, NSX và huy động khác |                                  |           | NSTW                              |               | NST (nguồn thu tiền SDD) |        |         |
| (1)   | (2)                                                                                                           | (3)               | (4)                            | (5)             | (6)                                                                 | (7)                                      | (8)                            | (9)                | (10)                      | (11)                             | (12)      | (12)                              | (14)          | (15)                     | (16)   | (17)    |
|       | TỔNG CỘNG                                                                                                     |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 329.707                        | 272.991            | 56.716                    | 329.707                          | 272.991   | 56.716                            | 30.475        | 12.178                   | 18.297 |         |
| A     | DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH VỐN                                                                          |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 147.794                        | 117.529            | 30.265                    | 147.794                          | 117.529   | 30.265                            | 13.090        | 7.798                    | 5.292  |         |
| A.1   | HUYỆN KRÔNG BÔNG                                                                                              |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 34.900                         | 28.890             | 6.010                     | 34.900                           | 28.890    | 6.010                             | 3.195         | 2.043                    | 1.152  | -       |
| I     | Xã Hoà Thành                                                                                                  |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 34.900                         | 28.890             | 6.010                     | 34.900                           | 28.890    | 6.010                             | 3.195         | 2.043                    | 1.152  |         |
| 1     | Lĩnh vực Giao thông                                                                                           |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 28.600                         | 25.740             | 2.860                     | 28.600                           | 25.740    | 2.860                             | 2.845         | 2.043                    | 802    |         |
| 1.1   | Đường xã                                                                                                      |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 28.600                         | 25.740             | 2.860                     | 28.600                           | 25.740    | 2.860                             | 2.845         | 2.043                    | 802    |         |
| 1.1.1 | Đường giao thông liên xã Hoà Thành đi xã Hoà Tân, huyện Krông Bông                                            | Xã Hoà Thành      | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông | 2023-2025       | 90%                                                                 | 3288/QĐ-UBND ngày 21/7/2023              | 2.800                          | 2.520              | 280                       | 2.800                            | 2.520     | 280                               | 280           | 280                      | -      |         |
| 1.1.2 | Đường giao thông liên xã Hòa Thành đi xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin và Hòa Thành đi xã Dang Kang, huyện Krông Bông | Xã Hoà Thành      | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông | 2023-2025       | 90%                                                                 | 3289/QĐ-UBND ngày 21/7/2023              | 25.800                         | 23.220             | 2.580                     | 25.800                           | 23.220    | 2.580                             | 2.565         | 1.763                    | 802    |         |
| 2     | Lĩnh vực Văn hoá                                                                                              |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 6.300                          | 3.150              | 3.150                     | 6.300                            | 3.150     | 3.150                             | 350           | -                        | 350    |         |
| 2.1   | Nhà văn hóa và sân thể thao xã Hòa Thành                                                                      | Xã Hoà Thành      | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Bông | 2023-2025       | 50%                                                                 | 3290/QĐ-UBND ngày 21/7/2023              | 6.300                          | 3.150              | 3.150                     | 6.300                            | 3.150     | 3.150                             | 350           |                          | 350    |         |
| A.2   | HUYỆN EA KAR                                                                                                  |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 77.376                         | 54.896             | 22.480                    | 77.376                           | 54.896    | 22.480                            | 6.130         | 3.010                    | 3.120  |         |
| I     | Xã Ea Pal                                                                                                     |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 77.376                         | 54.896             | 22.480                    | 77.376                           | 54.896    | 22.480                            | 6.130         | 3.010                    | 3.120  |         |
| 1     | Lĩnh vực Giao thông                                                                                           |                   |                                |                 |                                                                     |                                          | 72.376                         | 52.396             | 19.980                    | 72.376                           | 52.396    | 19.980                            | 5.850         | 3.010                    | 2.840  |         |

| STT   | Danh mục dự án                                                                                                                                  | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư                 | Thời gian KC-HT | Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND | Quyết định đầu tư                        |                                |                    |                           | Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 |           |                      | Kế hoạch 2023 |           |       | Ghi chú |                          |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|---------------|-----------|-------|---------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                                 |                   |                            |                 |                                                                     | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                    |                           | Tổng số                          | Trong đó: |                      | Tổng số       | Trong đó: |       |         |                          |
|       |                                                                                                                                                 |                   |                            |                 |                                                                     |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | NSTW và NST hỗ trợ | NSH, NSX và huy động khác |                                  | NSTW, NST | NSH, NSX và huy động |               | Tổng số   | NSTW  |         | NST (nguồn thu tiền SDD) |
|       |                                                                                                                                                 |                   |                            |                 |                                                                     |                                          |                                |                    |                           |                                  |           |                      |               |           |       |         |                          |
| 1.1   | Đường xã                                                                                                                                        |                   |                            |                 |                                                                     |                                          | 39.816                         | 35.834             | 3.982                     | 39.816                           | 35.834    | 3.982                | 4.005         | 3.010     | 995   |         |                          |
| 1.1.1 | Đường giao thông liên xã Ea Pal đi thị trấn Ea Knốp (Đoạn từ nhà ông Khẩn thôn 9 đến nhà ông Thường thôn 6B xã Ea Păl)                          | Xã Ea Pal         | Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar | 2023-2025       | 90%                                                                 | 379/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023              | 7.500                          | 6.750              | 750                       | 7.500                            | 6.750     | 750                  | 755           | 755       | -     |         |                          |
| 1.1.2 | Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Cư Ni (Đoạn từ cổng chào thôn 5 đi nhà ông Linh thôn 13 và đoạn từ cổng chào thôn 2 đi nhà ông Hương thôn 2) | Xã Ea Pal         | Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar | 2023-2025       | 90%                                                                 | 374/QĐ-UBND, ngày 24/7/2023              | 12.316                         | 11.084             | 1.232                     | 12.316                           | 11.084    | 1.232                | 1.235         | 595       | 640   |         |                          |
| 1.1.3 | Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Cư Prông (Đoạn từ nhà ông Huy thôn 14 đến nhà ông Thượng thôn 6B)                                            | Xã Ea Pal         | Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar | 2023-2025       | 90%                                                                 | 375/QĐ-UBND, ngày 24/7/2023              | 10.500                         | 9.450              | 1.050                     | 10.500                           | 9.450     | 1.050                | 1.055         | 700       | 355   |         |                          |
| 1.1.4 | Đường giao thông liên xã Ea Pal đi Ea Ô (Đoạn từ nhà ông Hanh Vĩ thôn 14 đến nhà ông Bảy Mười thôn 8)                                           | Xã Ea Pal         | Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar | 2023-2025       | 90%                                                                 | 380/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023              | 9.500                          | 8.550              | 950                       | 9.500                            | 8.550     | 950                  | 960           | 960       | -     |         |                          |
| 1.2   | Đường thôn                                                                                                                                      |                   |                            |                 |                                                                     |                                          | 32.560                         | 16.562             | 15.998                    | 32.560                           | 16.562    | 15.998               | 1.845         | -         | 1.845 |         |                          |
| 1.2.1 | Đường giao thông trục thôn 1 (từ cổng chào thôn 1 đến nhà ông Nguyễn Quang Thanh)                                                               | Thôn 1, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal      | 2023-2025       | 75%                                                                 | 114/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.552                          | 699                | 853                       | 1.552                            | 699       | 853                  | 80            |           | 80    |         |                          |
| 1.2.2 | Đường giao thông trục thôn (từ nhà ông Uyển đến nhà ông Nguyễn Quang Thanh)                                                                     | Thôn 1, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal      | 2023-2025       | 75%                                                                 | 113/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.104                          | 497                | 607                       | 1.104                            | 497       | 607                  | 55            |           | 55    |         |                          |
| 1.2.3 | Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà ông Lưu Văn Hoàng đến nhà bà Lê Thị Thắm)                                                                  | Thôn 2, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal      | 2023-2025       | 75%                                                                 | 112/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.072                          | 482                | 590                       | 1.072                            | 482       | 590                  | 55            |           | 55    |         |                          |
| 1.2.4 | Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà ông Nguyễn Văn Lương đến nhà ông Nguyễn Đăng Được)                                                         | Thôn 2, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal      | 2023-2025       | 75%                                                                 | 111/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 544                            | 245                | 299                       | 544                              | 245       | 299                  | 25            |           | 25    |         |                          |

| STT    | Danh mục dự án                                                                  | Địa điểm xây dựng  | Chủ đầu tư            | Thời gian KC-HT | Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND | Quyết định đầu tư                        |                                |                    |                           | Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 |           |                      | Kế hoạch 2023 |           |                          | Ghi chú |
|--------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|---------------|-----------|--------------------------|---------|
|        |                                                                                 |                    |                       |                 |                                                                     | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                    |                           | Tổng số                          | Trong đó: |                      | Tổng số       | Trong đó: |                          |         |
|        |                                                                                 |                    |                       |                 |                                                                     |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:          |                           |                                  | NSTW, NST | NSH, NSX và huy động |               | NSTW      | NST (nguồn thu tiền SDD) |         |
|        |                                                                                 |                    |                       |                 |                                                                     |                                          |                                | NSTW và NST hỗ trợ | NSH, NSX và huy động khác |                                  |           |                      |               |           |                          |         |
| 1.2.5  | Đường giao thông trục thôn 2 (từ nhà bà Phan Thị Hiền đến nhà ông Hồ Thế Thuận) | Thôn 2, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 109/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.408                          | 634                | 774                       | 1.408                            | 634       | 774                  | 70            |           | 70                       |         |
| 1.2.6  | Đường giao thông trục thôn 4 (từ nhà ông Hà đến nhà ông Lê Văn Tinh)            | Thôn 4, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 110/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.120                          | 504                | 616                       | 1.120                            | 504       | 616                  | 55            |           | 55                       |         |
| 1.2.7  | Đường giao thông trục thôn 5 (từ hộ Hà Văn Tinh đến hộ Lưu Văn Minh)            | Thôn 5, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 108/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.984                          | 893                | 1.091                     | 1.984                            | 893       | 1.091                | 100           |           | 100                      |         |
| 1.2.8  | Đường giao thông trục thôn 6 B (từ nhà ông Ngân đến nhà ông Nhượng)             | Thôn 6B, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 100%                                                                | 107/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.216                          | 1.216              |                           | 1.216                            | 1.216     |                      | 135           |           | 135                      |         |
| 1.2.9  | Đường giao thông trục thôn 6B (từ Hội trường thôn đến đất bà Hằng)              | Thôn 6B, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 100%                                                                | 106/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.440                          | 1.440              |                           | 1.440                            | 1.440     |                      | 160           |           | 160                      |         |
| 1.2.10 | Đường giao thông trục thôn 6 B (từ nhà bà Hằng đến nhà bà Thạnh)                | Thôn 6B, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 100%                                                                | 105/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 640                            | 640                |                           | 640                              | 640       |                      | 70            |           | 70                       |         |
| 1.2.11 | Đường giao thông trục thôn 6 C (từ Phân hiệu Võ Thị Sáu đi đến nhà ông Đoàn)    | Thôn 6C, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 104/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.920                          | 864                | 1.056                     | 1.920                            | 864       | 1.056                | 95            |           | 95                       |         |
| 1.2.12 | Đường giao thông trục thôn 6 C (từ nhà ông Lành đến ông Ất)                     | Thôn 6C, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 103/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.872                          | 842                | 1.030                     | 1.872                            | 842       | 1.030                | 95            |           | 95                       |         |
| 1.2.13 | Đường giao thông trục thôn 6 C (từ nhà bà Hương thôn 6C đến sân bóng thôn 6C)   | Thôn 6C, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 102/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 2.320                          | 1.044              | 1.276                     | 2.320                            | 1.044     | 1.276                | 115           |           | 115                      |         |

| STT    | Danh mục dự án                                                             | Địa điểm xây dựng  | Chủ đầu tư            | Thời gian KC-HT | Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND | Quyết định đầu tư                        |                                |                    |                           | Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 |           |                      | Kế hoạch 2023 |           |                          | Ghi chú |
|--------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|---------------|-----------|--------------------------|---------|
|        |                                                                            |                    |                       |                 |                                                                     | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                    |                           | Tổng số                          | Trong đó: |                      | Tổng số       | Trong đó: |                          |         |
|        |                                                                            |                    |                       |                 |                                                                     |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó:          |                           |                                  | NSTW, NST | NSH, NSX và huy động |               | NSTW      | NST (nguồn thu tiền SDD) |         |
|        |                                                                            |                    |                       |                 |                                                                     |                                          |                                | NSTW và NST hỗ trợ | NSH, NSX và huy động khác |                                  |           |                      |               |           |                          |         |
| 1.2.14 | Đường giao thông trục thôn 7 (từ trung tâm xã đến nhà ông Năm)             | Thôn 7, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 101/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 1.248                          | 562                | 686                       | 1.248                            | 562       | 686                  | 65            |           | 65                       |         |
| 1.2.15 | Đường giao thông trục thôn 8 (từ cổng chào thôn 8 đến nhà ông Hiên Tùng)   | Thôn 8, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 100/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023           | 3.120                          | 1.404              | 1.716                     | 3.120                            | 1.404     | 1.716                | 155           |           | 155                      |         |
| 1.2.16 | Đường giao thông thực thôn 8 (từ nhà ông Hùng Ba đến nhà ông Hải Hằng)     | Thôn 9, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 99/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 3.840                          | 1.824              | 2.016                     | 3.840                            | 1.824     | 2.016                | 205           |           | 205                      |         |
| 1.2.17 | Đường giao thông trục thôn 13 (từ cổng chào thôn đến hết đất nhà ông Tuấn) | Thôn 13, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 98/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 1.360                          | 612                | 748                       | 1.360                            | 612       | 748                  | 70            |           | 70                       |         |
| 1.2.18 | Đường giao thông trục thôn 13 (từ nhà ông Bảy Hạnh đến nhà ông Sứ)         | Thôn 13, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 97/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 1.120                          | 504                | 616                       | 1.120                            | 504       | 616                  | 55            |           | 55                       |         |
| 1.2.19 | Đường giao thông trục thôn 13 (từ nhà ông Hợi Liệu đến nhà ông Hùng Lành)  | Thôn 13, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 96/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 416                            | 187                | 229                       | 416                              | 187       | 229                  | 20            |           | 20                       |         |
| 1.2.20 | Đường giao thông từ nhà Liễu Linh đến nhà ông Quân Luyện (ĐTH31)           | Thôn 14, xã Ea Păl | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 95/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 784                            | 353                | 431                       | 784                              | 353       | 431                  | 40            |           | 40                       |         |
| 1.2.21 | Đường giao thông trục thôn 1 (từ nhà ông Luận đến nhà bà Nguyệt)           | Thôn 1, xã Ea Păl  | Ban quản lý xã Ea Pal | 2023-2025       | 75%                                                                 | 94/QĐ-UBND xã, ngày 14/7/2023            | 2.480                          | 1.116              | 1.364                     | 2.480                            | 1.116     | 1.364                | 125           |           | 125                      |         |
| 2      | Lĩnh vực Văn hoá                                                           |                    |                       |                 |                                                                     |                                          | 5.000                          | 2.500              | 2.500                     | 5.000                            | 2.500     | 2.500                | 280           | -         | 280                      |         |

| STT   | Danh mục dự án                                                                                                                               | Địa điểm xây dựng  | Chủ đầu tư                     | Thời gian KC-HT | Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND | Quyết định đầu tư                        |                                |                    |                           | Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025 |           |                      | Kế hoạch 2023 |           |                          | Ghi chú |               |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------|----------------------|---------------|-----------|--------------------------|---------|---------------|
|       |                                                                                                                                              |                    |                                |                 |                                                                     | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Tổng mức đầu tư                |                    |                           | Tổng số                          | Trong đó: |                      | Tổng số       | Trong đó: |                          |         |               |
|       |                                                                                                                                              |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | NSTW và NST hỗ trợ | NSH, NSX và huy động khác |                                  | NSTW, NST | NSH, NSX và huy động |               | NSTW      | NST (nguồn thu tiền SDD) |         |               |
| 2.1   | Nhà văn hóa xã Ea Pal                                                                                                                        | Thôn 12, xã Ea Pal | Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar     | 2023-2025       | 50%                                                                 | 381/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023              | 5.000                          | 2.500              | 2.500                     | 5.000                            | 2.500     | 2.500                | 280           |           | 280                      |         |               |
| A.3   | HUYỆN KRÔNG NĂNG                                                                                                                             |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | 35.518                         | 33.743             | 1.775                     | 35.518                           | 33.743    | 1.775                | 3.765         | 2.745     | 1.020                    |         |               |
| I     | Xã Ea Tân                                                                                                                                    |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | 35.518                         | 33.743             | 1.775                     | 35.518                           | 33.743    | 1.775                | 3.765         | 2.745     | 1.020                    |         |               |
| 1     | Lĩnh vực Giao thông                                                                                                                          |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | 35.518                         | 33.743             | 1.775                     | 35.518                           | 33.743    | 1.775                | 3.765         | 2.745     | 1.020                    |         |               |
| 1.1   | Đường xã                                                                                                                                     |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | 35.518                         | 33.743             | 1.775                     | 35.518                           | 33.743    | 1.775                | 3.765         | 2.745     | 1.020                    |         |               |
| 1.1.1 | Đường giao thông từ thôn Đoàn Kết đến thôn Yên Khánh (Đoạn từ thôn Đoàn Kết đến cầu Thác thôn Yên Khánh)                                     | Xã Ea Tân          | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng | 2023-2025       | 95%                                                                 | 3483/QĐ-UBND ngày 25/7/2023              | 14.800                         | 14.060             | 740                       | 14.800                           | 14.060    | 740                  | 1.570         | 1.000     | 570                      |         |               |
| 1.1.2 | Đường giao thông thôn Ea Chấm đến cột mốc 364 Nông trường An Thuận (Đoạn từ nhà ông Dưỡng thôn Ea Chấm đến cột mốc 364 nông trường An Thuận) | Xã Ea Tân          | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng | 2023-2025       | 95%                                                                 | 3484/QĐ-UBND ngày 25/7/2023              | 13.689                         | 13.005             | 684                       | 13.689                           | 13.005    | 684                  | 1.450         | 1.000     | 450                      |         |               |
| 1.1.3 | Đường giao thông từ nhà ông ba Tân thôn Hải Hà đi cột mốc 364 thôn Ea Blông                                                                  | Xã Ea Tân          | Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Năng | 2023-2025       | 95%                                                                 | 3482/QĐ-UBND ngày 25/7/2023              | 7.029                          | 6.678              | 351                       | 7.029                            | 6.678     | 351                  | 745           | 745       | -                        |         |               |
| B     | THÔNG BÁO SÁU CHO CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH                                                                                  |                    |                                |                 |                                                                     |                                          | 181.913                        | 155.462            | 26.451                    | 181.913                          | 155.462   | 26.451               | 17.385        | 4.380     | 13.005                   |         | Thông báo sau |